

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
NGÀNH ĐÀO TẠO: CHĂN NUÔI
CHUYÊN NGÀNH 1: KHOA HỌC VẬT NUÔI (CN1)
CHUYÊN NGÀNH 2: DINH DƯỠNG VÀ CÔNG NGHỆ THỨC ĂN CHĂN NUÔI (CN2)

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
CN03503: CHĂN NUÔI GIA CẦM (Poultry production)

I. Thông tin về học phần

- Học kì: 7
- Tín chỉ: **3 (Lý thuyết: 2 – Thực hành: 1 - Tự học: 9)**
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động học tập
 - + Nghe giảng lý thuyết trên lớp: 30 tiết
 - + Thực hành: 15 tiết (tương đương 30 quy đổi)
- Tự học: 135 tiết (theo kế hoạch cá nhân hoặc hướng dẫn của giảng viên)
- Đơn vị phụ trách:
 - Bộ môn: Chăn nuôi chuyên khoa
 - Khoa: Chăn nuôi
- Học phần thuộc khối kiến thức:

Đại cương <input type="checkbox"/>		Cơ sở ngành <input type="checkbox"/>				Chuyên ngành <input checked="" type="checkbox"/>			
		CN1		CN2		CN1		CN2	
Bắt buộc	Tự chọn	Bắt buộc	Tự chọn	Bắt buộc	Tự chọn	Bắt buộc	Tự chọn	Bắt buộc	Tự chọn
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

- Học phần song hành: Không
- Học phần tiên quyết: Di truyền động vật (CN02501)
- Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Anh Tiếng Việt

II. Mục tiêu và kết quả học tập mong đợi

*** Mục tiêu của học phần:**

Học phần nhằm trang bị cho người học **kiến thức** về chăm sóc và nuôi dưỡng gia cầm. Người học được rèn luyện các **kỹ năng** về chọn giống, xây dựng khẩu phần ăn cho gia cầm, quy trình ấp trứng nhân tạo; quy trình chăm sóc nuôi dưỡng gia cầm phù hợp với sinh lý, tập tính của loài chim, mang lại lợi nhuận cho người chăn nuôi và giảm thiểu ảnh hưởng tiêu cực của hoạt động chăn nuôi gia cầm tới môi trường. Học phần cũng giúp cho người học **rèn luyện thái độ** làm việc nghiêm túc, tuân thủ quy định, và tăng cường khả năng thích ứng, chủ động phối hợp làm việc nhóm.

*** Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo**

Kết quả học tập mong đợi của chương trình Cử Nhân Chăn nuôi	
Sau khi hoàn thành chương trình, sinh viên có thể:	
Kiến thức tổng quát	CDR1: Áp dụng các kiến thức khoa học tự nhiên, xã hội và sự hiểu biết về các vấn đề đương đại vào lĩnh vực Chăn nuôi
Kiến thức chuyên ngành	CDR 2: Phân tích các yếu tố tác động đến sản xuất giống, dinh dưỡng và chăm sóc sức khỏe vật nuôi
	CDR 3: Đánh giá hiệu quả sản xuất giống, dinh dưỡng, chăm sóc vật nuôi
	CDR 4: Thiết kế các chương trình sản xuất chăn nuôi đảm bảo phát triển bền vững
Kỹ năng tổng quát	CDR 5: Vận dụng tư duy sáng tạo, tư duy phân biện và kỹ năng giải quyết vấn đề trong nghiên cứu khoa học, thực tiễn nghề nghiệp một cách hiệu quả
	CDR 6: Phối hợp làm việc nhóm trong hoạt động chuyên môn đạt mục tiêu đề ra ở vị trí là thành viên hay nhà quản lý
	CDR 7: Giao tiếp hiệu quả bằng đa phương tiện, thích nghi với môi trường đa văn hóa; đạt chuẩn tiếng Anh theo qui định của Bộ GD&ĐT.
Kỹ năng chuyên ngành	CDR 8: Vận dụng các kỹ năng khảo sát, thu thập và xử lý thông tin phục vụ NCKH, phát triển công nghệ và quản lý sản xuất ngành chăn nuôi có hiệu quả
	CDR 9: Ứng dụng kỹ thuật, công nghệ và các mô hình phù hợp vào sản xuất chăn nuôi bền vững
	CDR 10: Sử dụng công nghệ thông tin và các trang thiết bị hiện đại của ngành Chăn nuôi phục vụ sản xuất, kinh doanh đạt mục tiêu đề ra
	CDR 11: Thực hiện thành thạo các qui trình kỹ thuật cơ bản và chuyên sâu trong chăn nuôi
Thái độ	CDR 12: Tuân thủ pháp luật, quy định nội bộ và chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp
	CDR 13: Thể hiện trách nhiệm bảo vệ môi trường, sức khỏe cộng đồng và tôn trọng phúc lợi động vật
	CDR 14: Thể hiện tinh thần học tập suốt đời

*** Kết quả học tập mong đợi của học phần:**

Học phần đóng góp cho Chuẩn đầu ra sau đây của CTĐT theo mức độ sau:

I – Giới thiệu (Introduction); P – Thực hiện (Practice); R – Củng cố (Reinforce); M – Đạt được (Master)

Mã IIP	Tên học phần	Mức độ đóng góp của học phần cho CDR của CTĐT						
		CDR1	CDR2	CDR3	CDR4	CDR5	CDR6	CDR7
CN03503	Chăn nuôi gia cầm			R	I		R	
		CDR8	CDR9	CDR10	CDR11	CDR12	CDR13	CDR14
				M	P	P		

Kí hiệu	KQHTMD của học phần Hoàn thành học phần này, sinh viên thực hiện được	CDR của CTĐT
Kiến thức		
K1	Đánh giá quy trình kỹ thuật trong công tác giống, dinh dưỡng, thức ăn, ấp trứng nhân tạo và chăm sóc từng đối tượng vật nuôi	CDR 3: Đánh giá hiệu quả sản xuất giống, dinh dưỡng, chăm sóc vật nuôi
K2	Xác định được nhu cầu chuồng trại, xây dựng được kế hoạch sản xuất chăn nuôi	CDR 4: Thiết kế các chương trình sản xuất chăn nuôi đảm bảo phát triển bền vững
Kỹ năng		
K3	Phối hợp làm việc nhóm để thu thập thông tin và viết báo cáo về xác định nhu cầu dinh dưỡng cho gia cầm	CDR 6: Phối hợp làm việc nhóm trong hoạt động chuyên môn đạt mục tiêu đề ra ở vị trí là thành viên hay nhà quản lý
K4	Sử dụng thành thạo các trang thiết bị trong phòng thí nghiệm để đánh giá chất lượng trứng và thịt	CDR 10: Sử dụng công nghệ thông tin và các trang thiết bị hiện đại của ngành Chăn nuôi phục vụ sản xuất, kinh doanh đạt mục tiêu đề ra
K5	Thực hiện thành thạo kỹ năng khảo sát và đánh giá chất lượng trứng và thịt gia cầm.	CDR 11: Thực hiện thành thạo các qui trình kỹ thuật cơ bản và chuyên sâu trong chăn nuôi
Thái độ và phẩm chất đạo đức		
K6	Tuân thủ nội quy môn học và phòng thí nghiệm	CDR 12: Tuân thủ pháp luật, quy định nội bộ và chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp

III. Nội dung tóm tắt của học phần

CN03502. Chăn nuôi gia cầm (Poultry production) (3TC: 2-1-9). Học phần bao gồm các chương: Nguồn gốc và đặc điểm sinh lý gia cầm; Giống và công tác giống gia cầm; Sức sản xuất; Dinh dưỡng và thức ăn cho gia cầm; Ấp trứng nhân tạo; Chuồng trại và thiết bị chăn nuôi; Kỹ thuật nuôi dưỡng các loại gà. Học phần có 5 bài thực hành, gồm:

- Bài 1: Khảo sát và đánh giá chất lượng trứng gia cầm
- Bài 2: Khảo sát và đánh giá chất lượng thịt gia cầm
- Bài 3: Khảo sát chuồng trại
- Bài 4: Phối hợp khẩu phần ăn cho gà
- Bài 5: Bài tập quy hoạch trang trại chăn nuôi gà

IV. Phương pháp giảng dạy và học tập

1. Phương pháp giảng dạy

- Thuyết giảng kết hợp tổ chức dạy học theo nhóm, dạy học dựa trên vấn đề
- Giảng dạy thông qua phim tư liệu và thảo luận
- Giảng dạy thông qua thực hành và tham quan thực tế
- Dạy qua e-learning:

2. Phương pháp học tập

- Sinh viên tự đọc giáo trình, tài liệu tham khảo,
- Tham gia thảo luận, trao đổi trên lớp
- Tìm tài liệu, thảo luận
- Xem phim tư liệu, thực hành

- E-learning và MS-teams: Tìm và tra cứu tài liệu; làm bài tập

V. Nhiệm vụ của sinh viên

- Chuyên cần: SV phải tham dự ít nhất 75% số tiết lý thuyết của học phần và tham gia các hoạt động trên lớp (thảo luận trên lớp và trên e-learning...).

- Thực hành: Sinh viên phải tham dự tất cả các nội dung thực hành

- Thi cuối kì: Hoàn thành bài thi cuối kỳ.

VI. Đánh giá và cho điểm

1. Thang điểm: 10

2. Điểm trung bình của học phần: là tổng điểm của các rubric nhân với trọng số tương ứng của từng rubric

- Điểm quá trình: 40%

+ Tham dự lớp: 10%

+ Thực hành: 30%

- Điểm thi cuối kì: 60%

3. Phương pháp đánh giá

Rubric đánh giá	KQHTMD của học phần	Trọng số (%)	Thời gian/Tuần học
Đánh giá quá trình		40	
Rubric 1. Đánh giá tham dự học tập trên lớp	K6	10	Tuần 1-10
Rubric 2. Đánh giá thực hành (theo nhóm)	K3, K4, K5	30	Tuần 3-8
Đánh giá cuối kì		60	
Rubric 3. Thi cuối kì	K1, K2	60	Theo lịch của HIV

Rubric 1: Đánh giá tham dự học tập trên lớp

Tiêu chí	Trọng số (%)	Tốt 8.5 – 10 điểm	Khá 6.5 – 8.4 điểm	Trung bình 4.0 – 6.4 điểm	Kém 0 – 3.9 điểm
Thái độ tham dự	50	Luôn chú ý và tham gia các hoạt động	Khá chú ý, có tham gia	Có chú ý, ít tham gia	Không chú ý/không tham gia
Thời gian tham dự	50	Vắng ≤ 10%	Vắng ≤ 15%	Vắng ≤ 25% (không có lý do) hoặc Vắng ≤ 30% (có lý do)	Vắng >25% (không có lý do) hoặc Vắng >30% (có lý do)

Rubric 2: Đánh giá thực hành (Theo nhóm)

Tiêu chí	Trọng số (%)	Tốt 8.5 – 10 điểm	Khá 6.5 – 8.4 điểm	Trung bình 4.0 – 6.4 điểm	Kém 0 – 3.9 điểm
Thái độ tham dự	20	Tham gia đầy đủ các buổi thực hành; Tích cực thảo luận	Tham gia đầy đủ các buổi thực hành; có tham gia thảo luận	Tham gia đầy đủ các buổi thực hành; thỉnh thoảng tham gia thảo luận	Không tham gia đầy đủ các buổi thực hành
Kết quả thực hành	70	Kết quả thực hành đầy đủ và đáp ứng hoàn toàn các yêu cầu	Kết quả thực hành đáp ứng khá tốt các yêu cầu, còn sai sót nhỏ	Kết quả thực hành đáp ứng tương đối các yêu cầu, có 1 sai sót quan trọng	
Báo cáo thực hành	10	Đúng format và đúng hạn	Đúng format và nộp muộn không quá 2 ngày	Đúng format và nộp muộn không quá 7 ngày	

Rubric 3: Đánh giá thi cuối kỳ

Thi cuối kì: dạng bài thi trắc nghiệm

Nội dung kiểm tra	Chỉ báo thực hiện của học phần được đánh giá qua câu hỏi	KQHTMD của học phần được đánh giá
Nguồn gốc và đặc điểm sinh lý giải phẫu gia cầm	Chỉ báo 1: Vận dụng các đặc điểm sinh lý giải phẫu quan trọng của gia cầm vào trong chăn nuôi để nâng cao hiệu quả chăn nuôi.	K1, K2
Giống và công tác giống gia cầm	Chỉ báo 2: Trình bày khái niệm và nguyên lý cơ bản về chọn giống, nhân giống gia cầm; Phân tích các đặc điểm ngoại hình và tính năng sản xuất của các giống gia cầm phổ biến.	K1, K2
Dinh dưỡng và thức ăn của gia cầm	Chỉ báo 3: Phân tích những đặc điểm dinh dưỡng của gia cầm và cách sử dụng các loại thức ăn cho gia cầm. Vận dụng các nguyên lý cơ bản để xây dựng khẩu phần và chế độ ăn cho gia cầm.	K1, K2
Ấp trứng nhân tạo	Chỉ báo 4: Trình bày sự phát triển của phôi gia cầm trong quá trình ấp, các điều kiện cần thiết cho phôi gia cầm phát triển. Hệ thống hóa quy trình ấp trứng nhân tạo.	K1, K2
Sức sản xuất	Chỉ báo 5: Trình bày những khái niệm về sức sản xuất (trứng, thịt và con giống) của gia cầm và các yếu tố ảnh hưởng đến sức sản xuất của gia cầm	K1, K2
Chuồng trại và thiết bị chăn nuôi	Chỉ báo 6: Vận dụng nguyên lý cơ bản trong xây dựng chuồng trại cho gia cầm; Phân tích các chi tiết của chuồng trại liên quan đến sức khỏe, tập tính và hiệu quả chăn nuôi	K1, K2
Kỹ thuật chăn nuôi các loại gà	Chỉ báo 7: Vận dụng kiến thức về đặc điểm sinh lý của các loại gà để xây dựng các quy trình kỹ thuật nuôi dưỡng.	K1, K2

4. Các yêu cầu, quy định đối với học phần

Lý thuyết: Có mặt trên lớp học lý thuyết ít nhất 75% số tiết quy định.

Thực hành: Tham gia đầy đủ số giờ quy định cho phần thực hành và phải có báo cáo thực hành.

Tham dự thi cuối kỳ: Trường hợp không tham gia bài thi cuối kỳ sẽ nhận điểm không.

Yêu cầu về đạo đức: Ăn mặc gọn gàng, có thái độ tôn trọng, lễ phép và cư xử đúng mực với thầy cô và bạn học. Không sử dụng điện thoại và làm việc riêng trong lớp.

VII. Giáo trình/tài liệu tham khảo

* *Giáo trình/ Bài giảng:*

Nguyễn Thị Mai, Bùi Hữu Đoàn, Hoàng Thanh (2009). Giáo trình Chăn nuôi gia cầm. NXB Nông nghiệp.

* *Tài liệu tham khảo khác*

- Bùi Hữu Đoàn (2009). Cơ sở sinh học của năng suất và ấp trứng gia cầm. NXB Nông nghiệp.
- Bùi Hữu Đoàn (chủ biên), Nguyễn Thị Mai, Nguyễn Thanh Sơn, Nguyễn Huy Đạt (2011). Một số chỉ tiêu nghiên cứu trong chăn nuôi gia cầm. NXB Nông nghiệp.
- Bạch Thị Thanh Dân, Phùng Đức Tiến (2011). Hướng dẫn kỹ thuật chọn trống mái gia cầm 01 ngày tuổi
- Nguyễn Duy Hoan (2010). Dinh dưỡng protein gia cầm. Nhà xuất bản Đại học Thái Nguyên.
- Dagher N. J. (2008). Poultry Production in Hot Climates. 2nd ed. CABI Publishers

VIII. Nội dung chi tiết của học phần

Tuần	Nội dung	KQHTMD của học phần được đánh giá
LÝ THUYẾT (30 tiết)		
1- 2	<i>Bài mở đầu (1 tiết)</i>	K1, K2
	<i>Chương 1. Nguồn gốc, đặc điểm sinh lý giải phẫu gia cầm (5 tiết)</i>	K1, K2
	<i>A/ Các nội dung chính trên lớp: Nội dung GD lý thuyết: (3,0 tiết)</i> 1.1. Da và các sản phẩm của da gia cầm 1.2. Hệ cơ - xương gia cầm 1.3. Hệ hô hấp gia cầm 1.4. Hệ tiêu hoá gia cầm 1.5. Hệ bài tiết gia cầm 1.6. Hệ sinh dục gia cầm <i>Thảo luận: (2,0 tiết)</i>	
	<i>B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: (18 tiết)</i> Sinh viên tự đọc tài liệu và trả lời các câu hỏi cuối chương.	
3-4	<i>Chương 2: Giống và công tác giống gia cầm (6 tiết)</i>	K1, K2
	<i>A/ Tóm tắt các nội dung chính trên lớp: Nội dung GD lý thuyết: (3 tiết)</i> 2.1. Giới thiệu hệ thống giống gia cầm ở Việt Nam	

Tuần	Nội dung	KQHTMD của học phần được đánh giá
	2.2. Đặc điểm, tính năng sản xuất của một số giống gia cầm nội. 2.3. Đặc điểm, tính năng sản xuất của một số giống gia cầm ngoại. 2.4. Công tác giống gia cầm. 2.5. Ứng dụng những thành tựu di truyền vào công tác chọn giống gia cầm 2.6. Cách chọn con giống chuẩn 2.7. Các công thức lai phổ biến Thảo luận: (2 tiết) B/Các nội dung cần tự học ở nhà: (18 tiết) Sinh viên tự đọc tài liệu và trả lời các câu hỏi cuối chương	
5	Chương 3: Dinh dưỡng gia cầm (3 tiết) A/Tóm tắt các nội dung chính trên lớp: Nội dung GD lý thuyết: (1,0 tiết) 3.1. Tầm quan trọng của thức ăn đối với gia cầm. 3.2. Yêu cầu của thức ăn. 3.3. Các loại khẩu phần và các yếu tố ảnh hưởng. 3.4. Nhu cầu dinh dưỡng của gia cầm. 3.5. Các loại thức ăn cho gia cầm. 3.6. Phối hợp khẩu phần ăn cho gia cầm. Seminar: (2,0 tiết) B/Các nội dung cần tự học ở nhà: (9 tiết) Sinh viên tự đọc tài liệu và trả lời các câu hỏi cuối chương.	K1, K2
6	Chương 4: Sức sản xuất gia cầm (3 tiết) A/Tóm tắt các nội dung chính trên lớp: Nội dung GD lý thuyết: (3 tiết) 4.1. Cấu tạo trứng gia cầm 4.2. Sức sản xuất trứng của gia cầm 4.3. Sức sản xuất thịt của gia cầm 4.4. Sức sinh sản của gia cầm 4.5. Các yếu tố ảnh hưởng đến sức sản xuất của gia cầm. B/Các nội dung cần tự học ở nhà: (12 tiết) Sinh viên tự đọc tài liệu và trả lời các câu hỏi cuối chương.	K1, K2
7	Chương 5: Ấp trứng gia cầm (3 tiết)	K1, K2

Tuần	Nội dung	KQHTMD của học phần được đánh giá
	<p>A/Tóm tắt các nội dung chính trên lớp: Nội dung GD lý thuyết: (3 tiết) 5.1. Giới thiệu về ấp trứng nhân tạo 5.2. Sinh trưởng và phát triển của phôi trong quá trình ấp 5.3. Các yếu tố cần thiết cho phôi phát triển 5.4. Kỹ thuật ấp trứng 5.5. Kiểm tra sinh vật học trứng ấp 5.6. An toàn sinh học trong ấp trứng gia cầm</p> <p>B/Các nội dung cần tự học ở nhà: (15 tiết) Sinh viên tự đọc tài liệu và trả lời các câu hỏi cuối chương.</p>	
8	<p>Chương 6: Chuồng trại, thiết bị và dụng cụ chăn nuôi gia cầm (3 tiết)</p> <p>A/Tóm tắt các nội dung chính trên lớp: Nội dung GD lý thuyết: (3 tiết) 6.1. Các phương thức chăn nuôi 6.2. Nguyên tắc cơ bản đối với chuồng trại chăn nuôi 6.3. Yêu cầu kỹ thuật đối với chuồng nuôi 6.4. Thiết bị và dụng cụ chăn nuôi gia cầm 6.5. Cơ khí hóa và tự động hóa chuồng trại chăn nuôi gia cầm 6.6. Tiêu độc chuồng trại, thiết bị và dụng cụ chăn nuôi</p> <p>B/Các nội dung cần tự học ở nhà: (9 tiết) Sinh viên tự đọc tài liệu và trả lời các câu hỏi cuối chương.</p>	K1, K2
9-10	<p>Chương 7: Kỹ thuật nuôi các loại gà (6 tiết)</p> <p>A/Tóm tắt các nội dung chính trên lớp: Nội dung GD lý thuyết: (6 tiết) 7.1. Các điều kiện cần thiết để chăn nuôi thành công 7.2. Kỹ thuật úm gà con 7.2. Kỹ thuật nuôi gà sinh sản hướng thịt 7.3. Kỹ thuật nuôi gà sinh sản hướng trứng 7.4. Kỹ thuật nuôi gà đẻ trứng thương phẩm 7.5. Kỹ thuật nuôi gà thịt thương phẩm 7.6. Kỹ thuật nuôi gà thả vườn 7.7. An toàn sinh học trong chăn nuôi</p> <p>B/Các nội dung cần tự học ở nhà: (18 tiết) Sinh viên tự đọc tài liệu và trả lời các câu hỏi cuối chương.</p>	K1, K2
	THỰC HÀNH (15 tiết chuẩn tương đương với 30 tiết quy đổi)	K3, K4, K5

Tuần	Nội dung	KQHTMD của học phần được đánh giá
Theo sự sắp xếp của Ban Quản lý đào tạo	<p>A/Tóm tắt các nội dung thực hành: (30 tiết quy đổi)</p> <p>Bài 1. Khảo sát và đánh giá chất lượng trứng gia cầm (10 tiết quy đổi tương đương 2 buổi học)</p> <ul style="list-style-type: none"> • Giới thiệu các phương pháp đánh giá chất lượng trứng gia cầm • Đánh giá chất lượng trứng gia cầm <p>Bài 2. Khảo sát và đánh giá chất lượng thịt gia cầm (05 tiết quy đổi tương đương 1 buổi học)</p> <ul style="list-style-type: none"> • Giới thiệu các phương pháp đánh giá chất lượng thịt gia cầm • Đánh giá một số chỉ tiêu về năng suất thịt gia cầm <p>Bài 3. Phương pháp phối hợp khẩu phần thức ăn cho gia cầm (05 tiết quy đổi tương đương 1 buổi học)</p> <ul style="list-style-type: none"> • Giới thiệu các phương pháp phối hợp khẩu phần • Thực hành phối hợp khẩu phần <p>Bài 4. Khảo sát chuồng trại và quy trình chăn nuôi gia cầm (05 tiết quy đổi tương đương 1 buổi học)</p> <ul style="list-style-type: none"> • Khảo sát chuồng trại chăn nuôi gia cầm <p>Bài 5. Bài tập quy hoạch trang trại chăn nuôi gà (05 tiết quy đổi tương đương 1 buổi học)</p> <ul style="list-style-type: none"> • Lập kế hoạch thành lập trang trại nuôi gà có công suất 10.000 tấn thịt/năm. Nuôi khép kín 	
	<p>B/Các nội dung cần tự học ở nhà: (30 tiết)</p> <p>Sinh viên tự tìm hiểu trước về các loại thức ăn cho gia cầm, giá trị dinh dưỡng của các loại thức ăn này, các công thức hoặc bảng tính nhu cầu dinh dưỡng cho gia cầm, tự phối hợp khẩu phần cho gia cầm dựa trên các nguồn thức ăn sẵn có tại địa phương. Sinh viên tự tìm hiểu trước về các kiểu chuồng và các vật tư trang thiết bị dùng cho chăn nuôi gia cầm.</p>	

IX. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

Phòng học, thực hành: giảng đường, phòng học có sức chứa 50-60 sinh viên, gọn gàng và sạch đẹp và có thể truy cập Internet. Phòng thực hành đủ chỗ ngồi cho sinh viên và đủ diện tích cho nội dung thực hành.

Phương tiện phục vụ giảng dạy: có đầy đủ máy chiếu projector tốt, có bảng chiếu, bảng viết phấn, máy tăng âm, có hệ thống loa phát để xem băng hình, hệ thống dây ổ điện và phích cắm; Cơ sở vật chất đầy đủ cho việc học E-learning.

X. Các đợt cải tiến

Lần 1 (7/2018)

- Sử dụng hệ thống E-learning
- Cập nhật tình hình chăn nuôi gia cầm trên thế giới và trong nước
- Bổ sung kết quả đề tài NCKH cấp Bộ "CHỌN LỌC NHĂM BẢO TỒN BỀN VỮNG GIỐNG GÀ HỒ" vào trong giảng dạy

Lần 2 (7/2019)

- Sử dụng hệ thống MS-teams vào trong giảng dạy
- Cập nhật tình hình chăn nuôi gia cầm trên thế giới và trong nước
- Bổ sung kết quả đề tài NCKH cấp thành phố Hà Nội vào phần *Ứng dụng chọn lọc theo công nghệ gen* vào chương 2. Giống và công tác giống

Lần 3 (7/2020)

- Sử dụng hệ thống MS-teams vào trong giảng dạy và đánh giá kết quả học tập
- Cập nhật tình hình chăn nuôi gia cầm trên thế giới và trong nước
- Bổ sung thêm phần "*An toàn sinh học trong ấp trứng*" vào chương 5. ẤP trứng gia cầm
- Sử dụng MS-teams vào trong giảng dạy

Lần 4 (7/2021)

- Cập nhật tình hình chăn nuôi gia cầm trên thế giới và trong nước

Hà Nội, ngày 25 tháng 7 năm 2022

TRƯỞNG BỘ MÔN

(Ký và ghi rõ họ tên)

PGS.TS. Trần Hiệp

TRƯỞNG KHOA

(Ký và ghi rõ họ tên)

PGS.TS. Phạm Kim Đăng

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN

(Ký và ghi rõ họ tên)

Nguyễn Thị Phương



PHÓ GIÁM ĐỐC
GS.TS. Phạm Văn Cường

**PHỤ LỤC: DANH SÁCH GIẢNG VIÊN, GIẢNG VIÊN HỖ TRỢ CÓ THỂ THAM
GIA GIẢNG DẠY HỌC PHẦN**

Giảng viên phụ trách môn học

Họ và tên: Bùi Hữu Đoàn	Học hàm, học vị: PGS. TS
Địa chỉ cơ quan: Học viện Nông nghiệp Việt Nam	Điện thoại liên hệ: 0975 229 668
Email: bhdoan@vnua.edu.vn	Trang web:
Cách liên lạc với giảng viên:	Email, điện thoại (trong giờ hành chính)

Giảng viên giảng dạy học phần

Họ và tên: Hoàng Anh Tuấn	Học hàm, học vị: ThS.
Địa chỉ cơ quan: Học viện Nông nghiệp Việt Nam	Điện thoại liên hệ: 098 911 9184
Email: hatuan@vnua.edu.vn	Trang web
Cách liên lạc với giảng viên:	Email, điện thoại (trong giờ hành chính)

Giảng viên giảng dạy học phần

Họ và tên: Nguyễn Thị Phương	Học hàm, học vị: ThS.
Địa chỉ cơ quan: Học viện Nông nghiệp Việt Nam	Điện thoại liên hệ: 0971 444 338
Email: ntphuongngc@gmail.com	Trang web
Cách liên lạc với giảng viên:	Email, điện thoại (trong giờ hành chính)